

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

TT	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch trước điều chỉnh	Kế hoạch vốn xử lý chuyển tiếp (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước chuyển sang)							Thực hiện giải ngân Kế hoạch vốn năm 2025 (Đến ngày 08/09/2025)							Tổng kế hoạch vốn còn lại	Tỷ lệ giải Ngân (%)	Nộp trả ngân sách
		Tổng Kế hoạch	Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang 2025			Tổng giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang 2025					
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
	Tổng	55.110,43	37.872,55	29.464,58	-	25.645,85	17.237,88	8.407,97	25.272,91	9.709,05	9.709,05	-	15.563,87	13.786,28	1.777,59	29.837,51	45,86	
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	28.911,39	19.485,27	19.485,27	-	9.426,12	9.426,12	-	11.228,32	1.802,20	1.802,20	-	9.426,12	9.426,12	-	17.683,07	38,84	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	1.598,11	1.250,00	1.250,00	-	348,11	348,11	-	1.541,54	1.195,41	1.195,41	-	346,13	346,13	-	56,56	96,46	
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi	16.192,96	8.729,31	8.729,31	-	7.463,65	7.463,65	-	10.725,46	6.711,43	6.711,43	-	4.014,03	4.014,03	-	5.467,50	66,24	
4	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Ngân sách địa phương)	8.407,97	8.407,97			8.407,97		8.407,97	1.777,59	-			1.777,59		1.777,59	6.630,38	21,14	

TT	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch trước điều chỉnh	Kế hoạch vốn xử lý chuyển tiếp (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước chuyển sang)						Thực hiện giải ngân Kế hoạch vốn năm 2025 (Đến ngày 08/09/2025)						Kế hoạch vốn còn lại						Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh
		Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang 2025			Thực hiện giải ngân Kế hoạch vốn năm 2025			Thực hiện giải ngân Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang 2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang 2025			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			NSTW	NSDP (H)		NSTW	NSDP (H)		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
	Tổng	29.464,58	29.464,58	-	17.237,88	17.237,88	-	9.709,05	9.709,05	-	13.786,28	13.786,28	-	19.755,54	19.755,54	-	3.451,60	3.451,60	-	
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	19.485,27	19.485,27	-	9.426,12	9.426,12	-	1.802,20	1.802,20	-	9.426,12	9.426,12	-	17.683,07	17.683,07	-	-	-	-	
1	Cầu qua suối Đắk Ter	12.667,24	12.667,24	-	6.123,38	6.123,38		774,96	774,96		6.123,38	6.123,38		11.892,28	11.892,28		-	-		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã
2	Cổng tường rào, sân bê tông các trường trên địa bàn huyện	700,00	700,00	-	64,09	64,09		664,84	664,84		64,09	64,09		35,16	35,16		-	-		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã
3	Khu văn hóa thể thao xã Tu Mơ Rông	200,00	200,00	-	503,28	503,28		200,00	200,00		503,28	503,28		-	-		-	-		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã
4	Quảng trường kết hợp Khu thể thao xã Đắk Hà	5.755,63	5.755,63	-	2.335,07	2.335,07		-	-		2.335,07	2.335,07		5.755,63	5.755,63		-	-		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã
5	Chinh trang đô thị khu trung tâm huyện	162,40	162,40	-	400,30	400,30		162,40	162		400,30	400,30		-	-		-	-		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	1.250,00	1.250,00	-	348,11	348,11	-	1.195,41	1.195,41	-	346,13	346,13	-	54,59	54,59	-	1,98	1,98	-	
1	Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng được liệu và các loại cây trồng khác xã Đắk Hà (điểm số 1)	550,00	550,00	-	-			530,58	530,58		-			19,43	19,43	-	-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Ban Quản lý dịch vụ công ích xã
2	Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng được liệu và các loại cây trồng khác xã Đắk Hà (điểm số 2)	700,00	700,00	-	-			664,84	664,84		-			35,16	35,16	-	-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Ban Quản lý dịch vụ công ích xã
3	8154846 Hệ thống điện chiếu sáng nhóm 6 thôn Mỏ Pá, xã Đắk Hà	-		-	348,11	348,11		-			346,13	346,13		-	-	-	1,98	1,98	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Ban Quản lý dịch vụ công ích xã
III	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi	8.729,31	8.729,31	-	7.463,65	7.463,65	-	6.711,43	6.711,43	-	4.014,03	4.014,03	-	2.017,88	2.017,88	-	3.449,62	3.449,62	-	
1	Dự án 1 - Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	675,42	675,42	-	-	-	-	675,42	675,42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất xã Tu Mơ Rông	675,42	675,42		-			675,42	675,42		-			-	-	-	-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
2	Dự án 2 - Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	-	-	-	4.881,54	4.881,54	-	-	-	-	1.653,08	1.653,08	-	-	-	-	3.228,45	3.228,45	-	
2.1	Sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Đắk Hà huyện Tu Mơ Rông	-	-	-	4.881,54	4.881,54		-			1.653,08	1.653					3.228,45	3.228,45		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã
3	Dự án 4 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	5.244,89	5.244,89	-	1.514,29	1.514,29	-	4.197,47	4.197,47	-	1.417,31	1.417,31	-	1.047,42	1.047,42	-	96,98	96,98	-	

3.1	Đường đi khu sản xuất tập trung 03 thôn: Đăk Neang, Tu Cáp, Đăk Ka (đoạn nối tiếp giai đoạn 2)	-		-	96,77	96,77		-			-			-	-	96,77	96,77	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
3.2	Cầu treo đi khu sản xuất Đăk Ter thôn Kon Pia	-		-	4,77	4,77		-		4,56	4,56		-	-		0,21	0,21	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
3.3	Chợ Trung tâm huyện Tu Mơ Rông	1.382,89	1.382,89	-	1.412,75	1.412,75		954,29	954,29	1.412,75	1.412,75		428,60	428,60		-	-	-	Ban Quản lý dịch vụ công ích xã
3.4	Đường nội thôn Ngọc Leang (các nhánh nội thôn)	352,00	352,00	-	-			352,00	352,00	-			-	-		-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
3.5	Đường nội thôn Đăk Hà (các nhánh nội thôn)	325,00	325,00	-	-			325,00	325,00	-			-	-		-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
3.6	Đường nội thôn Kon Pia (và các nhánh nội thôn)	305,00	305,00	-	-			305,00	305,00	-			-	-		-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
3.7	Đường nội thôn Ty Tu (các nhánh nội thôn)	280,00	280,00	-	-			280,00	280,00	-			-	-		-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
3.8	Đường trục chính nội đồng thôn Tu Cáp	1.300,00	1.300,00	-	-			1.300,00	1.300,00	-			0,00	0,00		-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
3.9	Cổng hộp qua suối thôn Kon Pia	800,00	800,00	-	-			681,18	681,18	-			118,82	118,82		-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
3.10	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Te Nέα thôn Văn Sang	500,00	500,00	-	-			-		-			500,00	500,00		-	-	-	UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Văn hóa xã hội
4	Dự án 5 - Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2.809,00	2.809,00	-	943,64	943,64	-	1.838,55	1.838,55	-	943,64	943,64	-	970,45	970,45	-	-	-	
4.2	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Tu Mơ Rông	2.809,00	2.809,00	-	943,64	943,64		1.838,55	1.838,55		943,64	943,64		970,45	970,45	-	-	-	Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã
5	Dự án 6 - Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	-	-	-	9,31	9,31	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,31	9,31	-	
5.1	Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn Tu Mơ Rông, xã Tu Mơ Rông	-		-	3,39	3,39		-		-			-	-	-	3,39	3,39	-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông
5.2	Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn Mô Pá, xã Đăk Hà	-		-	2,51	2,51		-		-			-	-	-	2,51	2,51	-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông xã
5.3	Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà	-		-	3,40	3,40		-		-			-	-	-	3,40	3,40	-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông xã
6	Dự án 10 - Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	-	-	-	114,88	114,88	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114,88	114,88	-	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	-	-	114,88	114,88	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114,88	114,88	-	
6.1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	-		-	114,88	114,88		-		-			-	-	-	114,88	114,88	-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông xã

[illegible]

[illegible]

PHỤ LỤC 3

KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025)
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư theo quyết định đầu tư/quyết định giao chủ đầu tư	Năm 2025				Thực hiện giải ngân Kế hoạch vốn năm 2025 (Đến ngày 08/09/2025)				Kế hoạch vốn còn lại				KHV năm 2024 ngân sách cấp huyện kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Đơn vị được giao triển khai thực hiện	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
				Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng	Vốn khác (tăng thu, TKC...)		Vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng	Vốn khác (tăng thu, TKC...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số		8.407,97	7.807,97	-	600,00	1.777,59	1.777,59	-	-	6.040,55	5.440,55	-	600,00	-		
*	Bổ trí trả nợ quyết toán		21	21	-	-											
-	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2025		21	21	-	-											
1	Mua sắm trang thiết bị chế biến sản phẩm sau thu hoạch cho Hợp tác xã thảo dược cộng đồng Tu Mơ Rông	UBND xã Đắk Hà	7	7												UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Kinh tế	
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND-UBMTTQVN xã Đắk Hà	UBND xã Đắk Hà	14	14												UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Kinh tế	
*	Dự án khởi công giai đoạn 2021-2025		8.387	7.787	-	600	1.778	1.778	-	-	6.041	5.441	-	600			
1	Cải tạo các điểm trường, lớp học trên địa bàn huyện (Chi tiết danh mục các trường: Trường PTDTBT TH-THCS xã Ngok Lây, Trường PTDTBT TH-THCS xã Văn Xuôi, Trường Mầm non xã Ngok Lây, Trường TH-THCS xã Đắk Rơ Ông, Trường Mầm non xã Đắk Hà, Trường Mầm non xã Đắk Sao, Trường Mầm non xã Đắk Rơ Ông)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	2.203	2.203			181	181			2.022	2.022	-	-		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	
2	Trường Tiểu học Đắk Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	15	15							15	15	-	-		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	
3	Chỉnh trang đô thị: Khuôn viên và trồng cây xanh các tuyến đường, vỉa hè khu trung tâm huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	5.000	5.000			1.597	1.597			3.403	3.403	-	-		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	
4	Hội trường Đa Năng xã Đắk Hà	UBND xã Đắk Hà	568	568												UBND xã Tu Mơ Rông/Phòng Kinh tế	
5	Nước sinh hoạt thôn Đắk Siêng xã Đắk Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Tu Mơ Rông	600			600					600	-	-	600		Ban Quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	
											-						